

Bản án số: 88/2021/HC-PT

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong việc cấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 524/2020/TLPT-HC ngày 19 tháng 10 năm 2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc cấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 68/2021/QĐPT-HC ngày 08 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Lê Hoàng Đ, sinh năm 1959 – Có mặt;

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Trần Văn Thời, huyện T, tỉnh C;

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân huyện T – Vắng mặt;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T – Vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Hồ Song T, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T và ông Võ Thanh B, Trưởng Phòng Tư pháp huyện T – đều vắng mặt;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Lâm Hồng P, sinh năm 1966 (Vợ ông Đ) – Vắng mặt;

3.2. Anh Lê Phương L, sinh năm 1998 – Vắng mặt;

3.3. Anh Lê Nhã L¹, sinh năm 1991 – Vắng mặt;

Cùng trú Khóm 1, thị trấn Trần Văn Thời, huyện T, tỉnh C;

4. *Người kháng cáo:* Ông Lê Hoàng Đ;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Lê Hoàng Đ trình bày:

Năm 1990, ông được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 59, 70, 71 tờ bản đồ số 8, tổng diện tích 11.730 m². Ngày 19/7/2010, ông trích lục bản đồ tại Trung tâm Thông tin và Tài nguyên Môi trường tỉnh C thì thửa 59, 70, 71 thành thửa 58, 67 tờ bản đồ số 7, tổng diện tích 17.514 m². Năm 2012 có chỉ thị đổi sổ mới thì ông đăng ký và được cấp thửa 81, 112, 158 tờ bản đồ số 17, tổng diện tích 16.404, 67 m². Diện tích bị mất là 1.109,4 m² là phần đất thuộc thửa 70 (tờ bản đồ số 8), thửa 67 (tờ bản đồ số 7) và thửa 158 (tờ bản đồ số 17). Phần đất bị mất được tách thành thửa 166, tờ bản đồ số 17, diện tích 544,8 m² ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1990, nhưng khi cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân huyện T không cấp lại cho ông.

Ngày 27/11/2017, ông có đơn yêu cầu được cấp thửa 166, diện tích 544,8 m² thì Ủy ban nhân dân huyện T có Công văn số 420/UBND-VP ngày 08/02/2018 (tạm viết tắt Công văn 420) không chấp nhận yêu cầu của ông. Ông khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 5592/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 (tạm viết tắt Quyết định 5592) giữ nguyên Công văn 420.

Tháng 9/2018 ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn 420 và Quyết định 5592 thì Tòa án nhân dân tỉnh C ra Quyết định số 28/2018/QĐST-HC ngày 29/11/2018 đình chỉ giải quyết vụ án lý do Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà ông Lê Hoàng Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Ông kháng cáo thì Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 284/2019/QĐ-PT ngày 21/5/2019 giữ nguyên quyết định sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 22/4/2020, ông nộp lại đơn khởi kiện yêu cầu hủy Công văn 420 và Quyết định 5592 vì các văn bản này đều trái pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Hồng P, anh Lê Phương L và Lê Nhã L¹ đều trình bày: Nhất trí ý kiến của ông Lê Hoàng Đ.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Năm 2012, đất trên địa bàn thị trấn Trần Văn Thời được đo đạc chỉnh lý biên độ và thành lập bản đồ địa chính mới. Hộ ông Lê Hoàng Đ kê khai đăng ký tại tờ bản đồ số 17 gồm 04 thửa: Thửa 166, diện tích 544,8 m²; thửa 81, diện tích 3.829,9 m²; thửa 112, diện tích 11.282,8 m² và thửa 158, diện tích 1.291,9 m². Ngày 16/10/2012, ông Đ có đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hệ thống bản đồ địa chính lập năm 2012. Hộ ông Đ được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ hệ thống bản đồ địa chính cũ (Bản đồ 299) qua hệ thống bản đồ địa chính mới (Bản đồ năm 2012). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đ năm 1990 tổng diện tích 11.730 m² nhưng theo Bản đồ năm 2012 được xác định lại thửa 81, 112, 158 tổng diện tích 16.404,6 m², tăng 4.674,6 m² nhưng ranh giới đất không thay đổi.

Theo hệ thống Bản đồ 299 thì phần đất diện tích 544,8 m² thuộc một phần kênh Xóm Rẫy và một phần thửa 64, tờ bản đồ số 8 của bà Lê Thị C kê khai, không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ được cấp ngày 03/8/1990. Tại hệ thống bản đồ năm 2000 thì toàn bộ đất thuộc kênh Xóm Rẫy do Nhà nước quản lý, vị trí đất không phù hợp quy hoạch nên thửa 166 không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh C đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại 2011; Khoản 1 Điều 30, khoản 3 khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác khởi kiện của ông Lê Hoàng Đ yêu cầu hủy Công văn số 420/UBND-VP ngày 08/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 5592/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/8/2020, ông Lê Hoàng Đ có đơn kháng cáo yêu cầu hủy Công văn số 420/UBND-VP ngày 08/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định số 5592/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và bồi thường thiệt hại 544,8 m² cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Lê Hoàng Đ giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy Công văn số 420/UBND-VP ngày 08/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định số 5592/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và bồi thường thiệt hại 544,8 m² cho ông. Từ năm 1990 đến nay ông không có mua thêm đất và ranh giới đất của ông không thay đổi.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo hợp lệ, về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Lê Hoàng Đ đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng một số đương sự (không có kháng cáo) vắng mặt, nên việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Ông Lê Hoàng Đ khởi kiện đối với quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T trong lĩnh vực quản lý đất đai, do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

Ông Lê Hoàng Đ khởi kiện lại vụ án vào ngày 22/4/2020 là chưa quá thời hạn 01 năm kể từ ngày Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 284/2019/QĐ-PT ngày 21/5/2019, nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Ông Lê Hoàng Đ có yêu cầu bồi thường nhưng chưa có điều kiện chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm đã dành cho ông Lê Hoàng Đ vụ kiện khác là đúng quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật tố tụng hành chính và do đó, việc ông Lê Hoàng Đ kháng cáo yêu cầu giải quyết bồi thường không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 220 Luật tố tụng hành chính.

[3] Công văn số 420/UBND-VP ngày 08/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 5592/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T được ban hành đảm bảo về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011 và Điều 105 Luật Đất đai năm 2013.

[4] Về nội dung:

Ông Lê Hoàng Đ trình bày diện tích 544,8 m² thuộc một phần thửa đất số 70, tờ bản đồ số 8 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 160903 của ông được cấp năm 1990, còn Ủy ban nhân dân huyện T lại cho rằng diện tích 544,8 m² này không nằm trong thửa 70 của ông Đ, mà là thuộc Kênh Xóm Rầy và một phần thửa 64 của bà Lê Thị C kê khai.

Tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 160903 và các trích lục bản đồ và tờ bản đồ do Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc và Môi trường đều thể hiện: Vị trí thửa 70, tờ bản đồ số 8 (đo đạc năm 1990) là thửa 67, tờ bản đồ số 7 (đo đạc năm 2000) và là thửa 158, tờ bản đồ số 17 (đo đạc năm 2012) có cạnh hướng Nam tiếp giáp đê (đường đi), giáp với đường đi là Kênh Xóm Rầy.

Đường Xóm Rầy được hình thành từ năm 1983-1984, có trước thời điểm lập bản đồ địa chính năm 1990, trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ. Trong các bản đồ địa chính đều không có hai con đê (đường Xóm Rầy và đê cũ) như lời trình bày của ông Đ.

Tuy diện tích các thửa đất của ông Đ có sự thay đổi qua các thời điểm lập bản đồ địa chính (Năm 1990 thửa 70 và thửa 71 có tổng diện tích 10.230 m²; năm 2000 thửa 70 và 71 gộp lại thành thửa 67 có diện tích 14.455 m²; đến năm 2012 thửa 67 tách ra thành thửa 112 và thửa 158 tổng diện tích 12.574,7 m²) nhưng lý do có sự thay đổi diện tích là vì năm 1990 và năm 2000 đo đạc nhưng không có định vị, còn năm 2012 thì có định vị cụ thể, diện tích đất của ông Đ thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2012 ít hơn so với năm 2010 nhưng lại nhiều hơn so với năm 1990; đồng thời vị trí giáp giới của các thửa đất vẫn không thay đổi. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Lê Hoàng Đ cũng xác định từ năm 1990 đến nay ông không có nhận chuyển nhượng thêm đất và ranh giới đất của ông không có sự thay đổi. Do đó, có căn cứ để xác định diện tích 544,8 m² không thuộc thửa đất số 70 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 160903 của ông Lê Hoàng Đ.

[5] Như vậy, Quyết định số 5592/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Công văn số 420/UBND-VP ngày 08/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T đã được ban hành đảm bảo về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn và nội dung đúng quy định của pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Lê Hoàng Đ theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Ông Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Bác kháng cáo của ông Lê Hoàng Đ, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh C.

Không chấp nhận khởi kiện của ông Lê Hoàng Đ yêu cầu hủy Quyết định số 5592/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và không chấp nhận yêu cầu hủy Công văn số 420/UBND-VP ngày 08/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh C.

3. Ông Lê Hoàng Đ được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

4. Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh C;
- VKSND tỉnh C;
- Cục THADS tỉnh C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

